

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- CẦN THƠ**
Bản án số: 151/2025/DS-ST

Ngày: 23/12/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh T.**

Địa chỉ: Ở đường D, Khu đô thị E, phường P, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Dương Thanh T**, sinh năm 2001 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, khu vực T, phường K, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Ông **Sơn S**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

2/ Bà **Thạch Thị T1**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 09 năm 2025, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là Ông Dương Thanh T trình bày:

Ông Trần Đại H là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M theo Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 59G8003445, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/10/2023, ngành nghề đăng ký là kinh doanh thức ăn, thuốc, hoá chất nuôi trồng thủy sản. Vào ngày 8/8/2017 ông Trần Đại H là Chủ H1 kinh doanh Tân Quang M có bán thức ăn thủy sản mang thương hiệu Việt Hoa và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với vợ chồng ông Sơn S và bà Thạch Thị T1. Theo thỏa thuận hộ kinh doanh bán thức ăn nuôi tôm cho gia đình ông S và bà T1. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở đến nhà ông S và bà T1 hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng, khi nhận hàng ông S và bà T1 hoặc người nhà ông bà ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Sau mỗi vụ thu tôm gia đình ông S và bà T1 phải thanh toán hết tiền hàng cho hộ kinh doanh. Trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Hai bên giao dịch từ 8/8/2017 đến 18/1/2019, ông S và bà T1 còn nợ lại số tiền mua hàng hóa là 52.857.000 đồng. Ngày 16/8/2025 hai bên tiến hành tiến hành xác nhận công nợ.

Trong quá trình mua bán thức ăn cho tôm và các loại thuốc thủy sản, Hộ kinh doanh đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của gia đình ông S và bà T1. Sau khi nhận hàng ông S và bà T1 đều ký nhận vào sổ theo dõi hàng hóa và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà H1 kinh doanh đã đã giao. Tuy nhiên, sau mỗi vụ thu tôm và khi đến hạn thanh toán ông S và bà T1 đã không thanh toán tiền hàng cho ông Trần Đại H theo đúng thỏa thuận. Sau nhiều vụ Hộ kinh doanh hỗ trợ cho gia đình ông S và bà T1 thêm thời hạn thanh toán để có điều kiện nuôi. Nhưng gia đình ông S và bà T1 không có thiện chí thanh toán.

Do vậy, ông Trần Đại H yêu cầu ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm là 52.857.000 đồng yêu cầu ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật tại giai đoạn thi hành án.

* Đối với bị đơn ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho Ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 theo quy định của pháp luật, ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 có ý kiến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải: Thống nhất với lời trình bày của ông T là ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 có mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở đến nhà hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng, khi nhận hàng vợ chồng ông, bà ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Hai bên giao dịch từ ngày 08/8/2017 đến

18/1/2019, ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 còn nợ lại số tiền mua thức ăn tôm sú của ông Trần Đại H là 52.857.000 đồng. Ngày 16/8/2025 hai bên tiến hành tiến hành xác nhận công nợ và thống nhất số nợ trên. Nay ông Trần Đại H yêu cầu ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 trả số tiền 52.857.000 đồng nêu trên thì ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 thống nhất trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông Sơn S và bà Thạch Thị Thương yêu C được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 01/01/2026.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, nguyên đơn Trần Đại H - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu bị đơn ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 trả số tiền còn nợ do mua thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú hiệu Việt Hoa và thuốc thủy sản chưa thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật nêu trên là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được pháp luật điều chỉnh tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Nội dung vụ án: Căn cứ vào ý kiến thống nhất của các bên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Thì vào từ ngày 08/8/2017 đến 18/1/2019 phía nguyên đơn có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn tôm thẻ chân trắng và hóa chất thủy sản phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Sơn S và bà Thạch Thị T1, việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự mặc dù không được lập thành văn bản nhưng thực tế việc thực hiện hợp đồng đã diễn ra đúng như lời trình bày của phía nguyên đơn cũng như lời thừa nhận của phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể là từ ngày 08/8/2017 đến 18/1/2019 phía bị đơn đã mua mặt hàng thức ăn nuôi tôm của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M để phục vụ cho việc nuôi tôm. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ ngày 16/8/2025, sổ sách theo dõi mua bán hàng hóa mà các bên đương sự cung cấp cũng như lời thừa nhận của phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 chưa thanh toán đủ tiền mua hàng hiện

còn nợ phía nguyên đơn số tiền là 52.857.000 đồng. Xét thấy những tình tiết, sự kiện và tài liệu chứng cứ của phía nguyên đơn cung cấp tại toà, phía của phía bị đơn không có ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện và tài liệu chứng cứ của phía nguyên đơn và tình tiết, sự kiện và tài liệu chứng cứ đó phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) khẳng định bị đơn ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 còn nợ số tiền mua bán thức ăn tôm và hóa chất phục vụ cho thủy sản của ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M là 52.857.000 đồng.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mặc dù đã nhận đủ hàng hóa, theo đúng quy cách như đã thỏa thuận và không có thắc mắc gì về chất lượng cũng như giá cả của hàng hóa nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như giao kết, rõ ràng phía bị đơn đã có lỗi nên phải chịu hậu quả về hành vi vi phạm của mình.

Từ những căn cứ phân tích nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M, về việc buộc bị đơn ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 52.857.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể là 52.857.000 đồng. $\times 5\% = 2.624.850$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 430, khoản 2 Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự .

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M là chủ hộ số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 52.857.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.187.883 đồng theo biên lai thu số 0006228 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng thi hành án hình sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Bị đơn ông Sơn S và bà Thạch Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.624.850 đồng, nộp tại Thi hành án dân sự thành phố cần thơ (Phòng thi hành án hình sự khu vực 8 – Cần Thơ).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Toàn